

Số: /SYT-QLD
V/v rà soát, điều chỉnh và giải trình
một số nội dung thuộc Danh mục
thuốc dự kiến sử dụng năm 2022

Thanh Hóa, ngày tháng 9 năm 2021

Kính gửi: Giám đốc các cơ sở y tế công lập trong ngành.

Ngày 27/8/2021, Sở Y tế ban hành Công văn số 3676/SYT-QLD về việc xây dựng kế hoạch chủng loại, số lượng thuốc đấu thầu tập trung cấp địa phương năm 2022. Qua tổng hợp sơ bộ và rà soát Danh mục thuốc dự kiến sử dụng năm 2022 của các đơn vị (file điện tử), phần lớn các đơn vị thực hiện chưa đúng với hướng dẫn tại Công văn nêu trên, còn tồn tại một số nội dung sau:

- Danh mục thuốc dự kiến nhu cầu năm 2022 của một số đơn vị báo cáo về Sở Y tế làm như bản nháp: bôi xanh, bôi đỏ... ghi chú những nội dung không cần thiết, không liên quan, tại các nhóm trong danh mục; điền số liệu không đúng hướng dẫn, cột tổng cộng số lượng khác cột dự kiến của bệnh viện, cột thành tiền không đúng như cột đơn giá x số lượng; nhiều nhóm không ghi số liệu tại cột số lượng, thành tiền đã sử dụng, thành tiền tại cột dự kiến; một số đơn vị điền số lượng dự kiến vào hàng tên nhóm thuốc; số lượng thuốc đã sử dụng còn ghi chưa trung thực (có những thuốc, hoạt chất năm 2021 không trúng thầu, nhưng vẫn có số lượng đã sử dụng)...

- Số lượng, giá trị tiền thuốc dự kiến năm 2022 cao hơn nhiều so với thực tế sử dụng năm 2020 và 6 tháng đầu năm 2021 (vượt quá 130% tổng giá trị sử dụng 1 năm trước liền kề), trong khi đó năm 2022 các đơn vị đã dự kiến nhiều thuốc vào danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp quốc gia, đàm phán giá quốc gia.

- Có nhiều thuốc mới dự kiến năm 2022 (đơn vị chưa sử dụng năm 2020, 2021) số lượng, giá trị dự kiến rất cao nhưng chưa có giải trình.

- Nhiều đơn vị đề nghị bổ sung các loại thuốc thông thường đã có nhiều thuốc thay thế trong danh mục, đề nghị cả các thuốc chưa có đầy đủ thông tin tham chiếu...

- Cá biệt một số danh mục dự kiến của một số đơn vị có biểu hiện sự không tuân thủ quy trình xây dựng, lựa chọn danh mục của Bộ Y tế (tự ý lựa chọn chủng loại, số lượng thuốc dự kiến không bám sát nhu cầu thực tế tại các khoa lâm sàng, không căn cứ trên số liệu lịch sử đã sử dụng...).

Việc dự kiến nhu cầu không đúng dẫn đến việc thực hiện kết quả LCNT không đạt hiệu quả và không đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 15/2019/TT-BYT, nhiều thuốc cần thì không có hoặc mới sử dụng được một thời gian ngắn thì hết số lượng, thuốc dự kiến nhiều thì không có nhu cầu sử

dụng...). Nhằm đáp ứng nhu cầu thuốc năm 2022 và việc tổ chức lựa chọn nhà thầu, sử dụng kết quả lựa chọn nhà thầu đảm bảo theo quy định của pháp luật, Giám đốc Sở yêu cầu các đơn vị thực hiện nghiêm Công văn số 3676/SYT-QLD và một số nội dung như sau:

1. Rà soát, điều chỉnh số lượng dự kiến (từng mặt hàng) không vượt quá 130% so với số lượng đã sử dụng của năm trước liền kề (các đơn vị có thể lấy số liệu đã sử dụng cao nhất của năm 2020 hoặc 6 tháng đầu năm 2021). Xây dựng lựa chọn danh mục thuốc theo đúng quy trình hướng dẫn của Bộ Y tế (như phân tích ABC, VEN... để lựa chọn thuốc).

2. Giải trình cụ thể, chi tiết (không giải trình kiểu chung chung như: bệnh viện có nhu cầu sử dụng; dự kiến bệnh nhân tăng; thuốc có hiệu quả sử dụng cao...) từng mặt hàng tại cột ghi chú trong danh mục đối với trường hợp sau:

- Số lượng dự kiến vượt 130% so với số lượng đã sử dụng của năm trước liền kề;

- Cân nhắc khi lựa chọn nhu cầu các mặt hàng thuốc mới, thuốc có giá thành đắt tiền (giải trình cụ thể đối với các mặt hàng này).

3. Điền đầy đủ số liệu, chính xác các thông tin vào danh mục dự kiến, tên file danh mục ghi rõ tên đơn vị, ngày gửi, danh mục hoàn thiện gọn gàng, bỏ các số liệu nháp, các ghi chú không cần thiết...

4. Hình thức, thời gian và địa chỉ gửi báo cáo.

- Hình thức báo cáo:

+ Trong file điện tử gửi về Sở Y tế: không được thay đổi số thứ tự và trình tự sắp xếp của danh mục (trong file điện tử đã được gửi cho đơn vị).

+ Trong danh mục in của đơn vị: cắt bỏ những mặt hàng đơn vị không có nhu cầu sử dụng nhưng không được thay đổi mã hàng hóa (được thay đổi số thứ tự); cắt cột đơn giá, thành tiền sử dụng, thành tiền dự kiến.

+ Trong biên bản họp HĐT&ĐT (hoặc Hội đồng khoa học hoặc Hội đồng chuyên môn...) của các đơn vị phải nêu rõ lý do dự kiến các mặt hàng mới, những mặt hàng dự kiến số lượng tăng đột biến so với kỳ trước.

Các đơn vị in bản giấy và gửi về Phòng Quản lý Dược - Sở Y tế. Nội dung đóng quyển gồm: Công văn đề nghị, Biên bản họp HĐT&ĐT hoặc HĐ khoa học/HĐ Chuyên môn... về xây dựng nhu cầu, danh mục chủng loại, số lượng, danh mục thuốc dự kiến; mỗi đơn vị in 02 quyển, đóng dấu giáp lai.

- Thời gian gửi báo cáo trước **11 giờ, ngày 22/9/2021**.

- Địa chỉ gửi báo cáo:

+ Bằng văn bản: Phòng Quản lý Dược, Sở Y tế Thanh Hóa

+ Bằng file điện tử: phongqlldth@gmail.com

Giám đốc các đơn vị chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở về chủng loại, số lượng thuốc dự kiến sử dụng năm 2022, đảm bảo không để thiếu thuốc phục vụ cho công tác khám chữa bệnh tại đơn vị.

Nhận được Công văn này, đề nghị các đơn vị khẩn trương thực hiện, đảm bảo kế hoạch đấu thầu đúng tiến độ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website SYT;
- Lưu: VT, QLD⁽⁰¹⁾.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Ngọc Thơm

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ DỰ KIẾN SỐ LƯỢNG THUỐC NĂM 2022 TĂNG CAO

TT	Bệnh viện	Giá trị dự kiến 2022	Giá trị sử dụng theo báo cáo của các BV		130% của năm 2020	130% của 6 tháng năm 2021 x 2
			Năm 2020	6 tháng đầu năm 2021		
1	Da Liễu	10.311.354.470	6.248.531.705	2.839.404.525	8.123.091.217	7.382.451.765
2	ĐK tỉnh	201.662.536.780	129.144.809.866	69.161.244.544	167.888.252.826	179.819.235.814
3	Nội Tiết	69.389.390.970	44.965.544.900	21.725.357.181	58.455.208.370	56.485.928.671
4	Nghi Sơn	28.404.116.484	21.263.760.374	9.500.326.010	27.642.888.486	24.700.847.626
5	Ngọc Lặc	52.573.293.572	37.955.851.984	15.686.079.795	49.342.607.579	40.783.807.467
6	Nhi	79.954.085.570	47.495.045.662	24.141.327.111	61.743.559.361	62.767.450.489
7	Phổi	49.705.928.315	24.018.190.264	10.767.343.863	31.223.647.343	27.995.094.044
8	Tâm Thần	19.021.733.580	13.015.998.937	6.383.835.416	16.920.798.618	16.597.972.082
9	Bá Thước	21.177.659.530	14.302.249.166	6.923.539.394	18.592.923.916	18.001.202.425
10	Cẩm Thủy	25.124.360.636	19.427.074.465	8.438.988.325	25.255.196.805	21.941.369.645
11	Đông Sơn	17.400.893.800	11.328.394.711	5.564.018.138	14.726.913.124	14.466.447.160
12	Hậu Lộc	40.542.808.600	26.574.790.117	14.031.685.731	34.547.227.152	36.482.382.901
13	Hoàng Hóa	32.637.533.725	22.338.352.527	11.320.599.390	29.039.858.285	29.433.558.414
14	Lang Chánh	11.070.845.320	6.899.101.138	2.733.865.409	8.968.831.480	7.108.050.064
15	Mường Lát	11.842.837.024	7.305.309.408	3.331.094.606	9.496.902.230	8.660.845.976
16	Nông Cống	30.310.371.845	15.684.978.534	7.212.763.913	20.390.472.095	18.753.186.173
17	Nga Sơn	31.413.820.150	19.402.761.600	9.177.076.702	25.223.590.080	23.860.399.426
18	Như Thanh	13.719.009.090	9.085.469.119	4.035.125.789	11.811.109.855	10.491.327.052
19	Quảng Xương	30.023.548.340	20.118.533.001	10.279.210.604	26.154.092.901	26.725.947.570
20	Sầm Sơn	25.381.138.400	11.188.074.132	5.962.731.262	14.544.496.372	15.503.101.281
21	Thạch Thành	22.200.790.100	13.395.741.920	7.808.899.054	17.414.464.496	20.303.137.540
22	Thọ Xuân	45.053.882.780	28.591.583.736	15.197.173.132	37.169.058.856	39.512.650.143
23	Thường Xuân	25.074.993.880	14.559.861.657	6.649.401.000	18.927.820.154	17.288.442.600
24	Triệu Sơn	40.103.758.400	29.662.659.410	13.981.065.912	38.561.457.233	36.350.771.371
25	Vĩnh Lộc	32.838.721.070	19.790.278.454	11.587.204.176	25.727.361.990	30.126.730.858